

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2023

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/02/2023 về “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Văn A, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu 1, phường Quang Trung, thành phố U, tỉnh Q.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng của anh H tại Việt Nam: Thôn Tiến Bộ (nay là thôn Thống Nhất), xã Thường Thắng, huyện HH, tỉnh BG.

Anh H hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Văn A trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đức H kết hôn với nhau ngày 14/3/2018 trên cơ sở tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Thị Cầu, thành phố BN, tỉnh BN theo đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn thì chị về làm dâu ở nhà

chồng tại Thôn Tiên Bộ, xã Thường Thắng, huyện HH, tỉnh BG nhưng làm việc tại Hà Nội. Sau khi kết hôn được thời gian ngắn khoảng 1 tháng thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng với nhau về việc làm ăn kinh tế, anh H không chịu tu trí làm ăn, nợ nần nhiều dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ đó anh H về xã Thường Thắng, huyện HH, tỉnh BG sinh sống, còn chị vẫn tiếp tục làm việc và sinh sống tại Hà Nội. Anh H sống ly thân và không còn liên lạc gì với nhau nữa. Anh H đi nước ngoài từ thời gian nào chị cũng không được biết và chị không biết địa chỉ cụ thể của anh H đang ở đâu. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Đức H được ly hôn.

* Về con chung: Anh chị không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, công nợ: Anh chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nay do anh H đang ở nước ngoài giấu địa chỉ và vắng mặt tại Tòa án nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị.

* Bị đơn là anh Nguyễn Đức H hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh H đến nay không nhận được thông tin của anh H.

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua em gái ruột của anh H là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: xóm Hồng Phong, thôn Hồng Tiên, xã Thường Thắng, huyện HH, tỉnh BG, chị Lan có ý kiến trình bày như sau: Chị là em gái ruột của anh Nguyễn Đức H, hiện anh H không có mặt tại địa phương và đang lao động tại nước ngoài. Gia đình thường xuyên liên lạc với anh H qua mạng xã hội nhưng anh H không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên gia đình không cung cấp địa chỉ của anh H cho Tòa án được. Gia đình đã có thông báo với anh H về việc chị Vân A đề nghị ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh BG thì anh H có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Vân A. Về con chung và tài sản chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Vân A xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh H vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Văn A. Xử:

Cho chị Trần Văn A được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

Về án phí: Chị Trần Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Văn A là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Đức H. Bị đơn anh Nguyễn Đức H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn Tiến Bộ (nay là thôn Thống Nhất), xã Thường Thắng, huyện HH, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 28690/QLXNC-P5 ngày 30/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 23/7/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Nguyễn Đức H được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BG, theo quy định tại khoản 2, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Vân A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã làm việc với chị Nguyễn Thị L là em gái ruột của anh H xác định hiện anh H đang đi lao động tại nước ngoài nhưng không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Vân A và anh H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Văn A và anh Nguyễn Đức H đăng ký kết hôn ngày 14/3/2018 tại UBND phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống

phát sinh mâu thuẫn chị Vân A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh H. HĐXX thấy: Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc. Năm 2020 anh H đi nước ngoài, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp. Nguyên nhân mâu thuẫn là theo chị Vân A trình bày là do vợ chồng bất đồng với nhau về việc làm ăn kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vân A và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vân A, xử cho chị Trần Vân A được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

[4]. Về con chung: Chị Trần Vân A và anh Nguyễn Đức H không có con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị Vân A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Trần Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Vân A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Vân A được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về án phí: Chị Trần Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008356 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HH, tỉnh BG.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Đức H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ

ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Trần Văn A cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện HH;
- UBND phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường